

BỘ TƯ PHÁP**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC****Phụ lục****DANH MỤC BIỂU MẪU THỐNG KÊ, BIỂU MẪU THỐNG KÊ VÀ GIẢI THÍCH BIỂU MẪU THỐNG KÊ**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 05/2026/TT-BTP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định một số nội dung về hoạt động thống kê thi hành án dân sự, theo dõi thi hành án hành chính)

I. DANH MỤC BIỂU MẪU THỐNG KÊ

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
1	Biểu số: 01/TK-THADS	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc	12 tháng	- Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp/ Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng - Cơ quan THADS tỉnh, thành phố / Cơ quan THA cấp quân khu	- Bộ Tư pháp / Bộ Quốc phòng - Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp / Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng
2	Biểu số: 02/TK-THADS	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền	12 tháng	- Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp/ Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng - Cơ quan THADS tỉnh, thành phố / Cơ quan THA cấp quân khu	- Bộ Tư pháp / Bộ Quốc phòng - Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp / Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng
3	Biểu số: 03/TK-THAHC	Kết quả theo dõi thi hành bản án, quyết định của Toà án về vụ án hành chính	12 tháng	- Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp/ Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng - Cơ quan THADS tỉnh, thành phố / Cơ quan THA cấp quân khu	- Bộ Tư pháp / Bộ Quốc phòng - Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp / Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Đơn vị báo cáo	Đơn vị nhận báo cáo
4	Biểu số: 04/TK-THADS	Kết quả giải quyết bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự	12 tháng	- Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp/ Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng - Cơ quan THADS tỉnh, thành phố / Cơ quan THA cấp quân khu	- Bộ Tư pháp / Bộ Quốc phòng - Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp / Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng
5	Biểu số: 05/TK-THADS	Kết quả giải quyết bảo đảm tài chính trong thi hành án dân sự	12 tháng	- Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp/ Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng - Cơ quan THADS tỉnh, thành phố / Cơ quan THA cấp quân khu	- Bộ Tư pháp / Bộ Quốc phòng - Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp / Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng

II. BIỂU MẪU THỐNG KÊ VÀ GIẢI THÍCH BIỂU MẪU THỐNG KÊ

Biểu số: 01/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2026/TT-BTP
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC

Kỳ báo cáo năm:
(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:
- Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp /
Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng
- Cơ quan THADS tỉnh, thành phố / Cơ quan
THA cấp quân khu
Đơn vị nhận báo cáo:
- Bộ Tư pháp / Bộ Quốc phòng
- Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp /
Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng

Đơn vị tính: *Việc và %*

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau (trừ số đã chuyển sang số theo dõi để thống kê riêng)	Tỷ lệ thi hành xong (%)
			Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sang số theo dõi để thống kê riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:				Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển sang số theo dõi để thống kê riêng)	Hoãn THA	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác			
									Tổng số giải quyết xong	Chia ra:							Đang thi hành		
										Thi hành xong	Đình chỉ THA	Trường hợp kết thúc khác							
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
	Tổng số																		
I	Quốc phòng																		
II	THADS tỉnh, thành phố																		
1	THADS tỉnh																		
2	THADS tỉnh																		

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu mẫu 01/TK-THADS: Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc

1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc của Hệ thống Thi hành án dân sự.

2. Khái niệm, phương pháp tính

- Tổng số việc giải quyết là số việc phải xử lý trong kỳ báo cáo, bao gồm: số năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng), số thụ lý mới trong kỳ báo cáo.

- Việc năm trước chuyển sang là số việc đang tiến hành các thủ tục thi hành án theo quy định tính theo phương pháp lũy kế, đến thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê của những năm trước chuyển sang năm báo cáo (trừ số đã chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng).

- Việc thụ lý mới là số việc đã ra quyết định thi hành án, vào sổ thụ lý trong kỳ báo cáo.

- Việc ủy thác thi hành án là số việc đã ra quyết định ủy thác thi hành án theo quy định tại Điều 49 Luật Thi hành án dân sự (trừ số ủy thác thẳng khi chưa ra quyết định thi hành án và số việc ủy thác một phần, ủy thác xử lý tài sản).

- Việc thu hồi, hủy quyết định thi hành án là số việc đã ra quyết định thu hồi, hủy toàn bộ quyết định thi hành án (trừ trường hợp thu hồi để ra quyết định ủy thác thi hành án).

- Tổng số việc phải thi hành là số việc thực tế phải tổ chức thi hành sau khi trừ số việc ủy thác thi hành án, số việc thu hồi, hủy quyết định thi hành án.

- Tổng số việc có điều kiện thi hành là số việc mà người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tiền, tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án; việc đang thi hành; việc thuộc trường hợp quy định tại Điều 55 của Luật Thi hành án dân sự và khoản 1 Điều 32 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự.

- Tổng số việc giải quyết xong là việc thuộc trường hợp quy định tại Điều 55 của Luật Thi hành án dân sự và khoản 1 Điều 32 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự.

- Việc thi hành xong là việc đã tổ chức thi hành xong các quyền, nghĩa vụ, hoặc những việc đã tổ chức thi hành xong một phần quyền, nghĩa vụ, phần còn lại đã ủy thác, đình chỉ và đã xóa sổ thụ lý thi hành án.

Những việc đã thu được tiền, tài sản, đã thông báo, nhưng người được thi hành án chưa đến nhận nên đã lập phiếu chi và gửi cho họ qua đường bưu điện hoặc chưa xác định được địa chỉ của người nhận và cơ quan thi hành án dân sự đã gửi tiền vào ngân hàng, lập sổ theo dõi riêng hoặc đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Việc đình chỉ thi hành án là số việc đã ra quyết định đình chỉ toàn bộ việc thi hành án theo quy định tại Điều 48 Luật Thi hành án dân sự.

- Trường hợp kết thúc khác là việc quy định tại khoản 1 Điều 32 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự.

- Việc đang thi hành là số việc đang trong quá trình tiến hành các thủ tục thi hành án theo quy định của pháp luật để tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ thi hành án theo nội dung quyết định của bản án, quyết định tại thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê.

- Việc chưa có điều kiện thi hành án (trừ số đã chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng) là số việc đã ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 38 Luật Thi hành án dân sự.

- Việc hoãn thi hành án là số việc đã ra quyết định hoãn toàn bộ theo quy định tại Điều 46 Luật Thi hành án dân sự.

- Việc tạm đình chỉ thi hành án là số việc đã được tạm đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 47 Luật Thi hành án dân sự.

- Việc trường hợp khác, bao gồm:

+ Vụ việc tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo là các vụ việc có văn bản yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc tạm dừng thi hành án;

+ Vụ việc đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Thi hành án dân sự;

+ Vụ việc chưa thể tổ chức thi hành do tình trạng khẩn cấp, trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

+ Vụ việc đã có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thi hành theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 64/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phục hồi, phá sản về thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

+ Việc từ sau lần giảm giá thứ hai trở đi mà tài sản đấu giá không thành theo quy định tại khoản 3 Điều 83 Luật Thi hành án dân sự là trường hợp người phải thi hành án phải thi hành nhiều việc khác nhau, trong đó có việc đang xử lý tài sản đã được dùng để bảo đảm thực hiện một nghĩa vụ cụ thể và người phải thi hành án không còn tài sản, thu nhập khác để thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự thống kê vào nhóm “trường hợp khác” đối với các việc không được bảo đảm bằng tài sản đó;

+ Vụ việc mà người phải thi hành án có tài sản nhưng tài sản không đủ điều kiện xử lý theo quy định của pháp luật là trường hợp tài sản là quyền sử dụng đất không đủ điều kiện tách thửa hoặc không đủ điều kiện bán đấu giá theo quy định của pháp luật có liên quan và người phải thi hành án không còn tài sản thu nhập

khác để tiếp tục thi hành án;

+ Vụ việc mà cơ quan thi hành án dân sự đã thông báo, ấn định thời hạn xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 39 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự là các vụ việc mà người phải thi hành án không còn tài sản, thu nhập khác để thi hành án ngoài tài sản đang xử lý; tuy nhiên, việc tổ chức cưỡng chế chưa thực hiện được do cơ quan có thẩm quyền đã có văn bản từ chối phê duyệt kế hoạch và phương án bảo vệ việc cưỡng chế theo quy định;

+ Vụ việc mà cơ quan thi hành án dân sự đã ban hành kế hoạch cưỡng chế và đang trong thời gian chờ phê duyệt kế hoạch, phương án bảo vệ của cơ quan có thẩm quyền là các vụ việc phải tổ chức cưỡng chế có huy động lực lượng nhưng cơ quan có thẩm quyền có văn bản chưa xây dựng phương án bảo vệ cưỡng chế.

- Việc chuyển kỳ sau (trừ số đã chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng) là số việc đang trong quá trình tổ chức thi hành các quyền, nghĩa vụ theo nội dung quyết định thi hành án, bao gồm: việc đang thi hành; việc hoãn thi hành án; việc tạm đình chỉ thi hành án; việc trường hợp khác; việc chưa có điều kiện thi hành án tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo thông kê trừ số việc đã chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng.

- Việc chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng là việc đã có quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với án chủ động và đã thực hiện việc xác minh theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Thi hành án dân sự, thực hiện thủ tục chuyển sổ theo dõi riêng theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo thống kê.

- Tỷ lệ % thi hành xong trong số có điều kiện là tỷ lệ giữa tổng số việc đã giải quyết xong so với số có điều kiện thi hành án.

$$\text{Tỷ lệ thi hành xong về việc (\%)} = \frac{\text{Tổng số giải quyết xong}}{\text{Số việc có điều kiện thi hành}} \times 100$$

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Việc” và “%”.

4. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

4.1. Cách ghi phần chung

Biểu mẫu phải ghi đầy đủ các thông tin phần chung (đơn vị báo cáo, đơn vị nhận báo cáo, kỳ báo cáo và các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị).

4.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội, tổng hợp cả số liệu của cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.

a) Cột:

- Cột 1 = Cột (2 + 3) = cột (4 + 5 + 6)
- Cột 6 = Cột (7 + 13 + 14 + 15 + 16)
- Cột 7 = Cột (8 + 12)
- Cột 8 = Cột (9 + 10 + 11)
- Cột 17 = Cột (12 + 13 + 14 + 15 + 16)
- Cột 18 = Cột (8 / 7) x 100

b) Dòng:

- Dòng Tổng số = Dòng (I + II)
- Dòng II = Dòng (1 + 2 + ...)

5. Nguồn số liệu

Đối với hệ thống thi hành án dân sự, số liệu trong biểu mẫu được khai thác, tổng hợp từ cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự, phương tiện điện tử khác, hồ sơ nghiệp vụ và tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Đối với thi hành án trong quân đội, việc khai thác, tổng hợp số liệu thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.

Biểu số: 02/TK-THADS
Ban hành theo TT số: 05/2026/TT-BTP
Ngày nhận báo cáo:

KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN

Kỳ báo cáo năm:
(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

- Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp
/ Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng
- Cơ quan THADS tỉnh, thành phố / Cơ quan
THA cấp quân khu

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tư pháp / Bộ Quốc phòng
- Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp
/ Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng

Đơn vị tính: 1.000 VNĐ và %

ST T	Tên chỉ tiêu	Tổng số giải quyết	Chia ra:		Ủy thác THA	Thu hồi, sửa, hủy quyết định THA	Tổng số phải thi hành	Chia ra:											Số chuyển kỳ sau (trừ số đã chuyển sang số theo dõi để thống kê riêng)	Tỷ lệ thi hành xong (%)
			Năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sang số theo dõi để thống kê riêng)	Thụ lý mới				Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:				Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển sang số theo dõi để thống kê riêng)	Hoãn THA	Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác				
									Tổng số giải quyết xong	Chia ra:							Đang thi hành			
										Thi hành xong	Đình chỉ THA	Trường hợp kết thúc khác								
A		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	
	Tổng số																			
I	Quốc phòng																			
II	THADS tỉnh, thành phố																			
1	THADS tỉnh																			
2	THADS tỉnh																			

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu mẫu 02/TK-THADS: Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền

1. Nội dung

Phản ánh kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền của Hệ thống Thi hành án dân sự.

2. Khái niệm, phương pháp tính

Tiền bao gồm tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ và giá trị tài sản được thi hành theo bản án, quyết định (giao tài sản; chuyển giao tài sản sung công quỹ; trả tang vật, tài sản tạm giữ). Giá trị tài sản được xác định, quy đổi ra tiền Việt Nam đồng để thống kê theo quy định của pháp luật tại thời điểm phát sinh số liệu, căn cứ vào một trong các nguồn sau: nội dung bản án, quyết định của Tòa án có xác định giá trị bằng tiền; khung giá, bảng giá, biểu giá do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành; kết quả định giá, thẩm định giá; giá niêm yết hoặc giá do cơ quan chuyên môn cung cấp.

Trường hợp thi hành nghĩa vụ về tài sản nhưng không có căn cứ xác định giá trị bằng tiền thì thống kê là 1.000 đồng.

- Tổng số tiền giải quyết là số tiền và giá trị tài sản mà cơ quan thi hành án dân sự phải thi hành trong kỳ báo cáo, bao gồm tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ và giá trị tài sản phải giao, chuyển giao sung công quỹ, trả tang vật, tài sản tạm giữ. Chỉ tiêu này bao gồm số tiền năm trước chuyển sang (trừ số đã chuyển sang số theo dõi để thống kê riêng) và số tiền thụ lý mới trong kỳ báo cáo.

- Tiền năm trước chuyển sang là số tiền đang tổ chức thi hành, tính theo phương pháp lũy kế đến thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê của năm trước chuyển sang năm báo cáo, trừ số đã chuyển sang số theo dõi để thống kê riêng.

- Tiền thụ lý mới là số tiền theo quyết định thi hành án và số tiền phát sinh trong kỳ báo cáo theo quy định.

- Tiền ủy thác thi hành án là số tiền đã ra quyết định ủy thác theo quy định tại Điều 49 Luật Thi hành án dân sự (không tính số tiền ủy thác thẳng khi chưa ra quyết định thi hành án, ủy thác xử lý tài sản).

- Tiền thu hồi, sửa, hủy quyết định thi hành án là số tiền đã ra quyết định thu hồi, sửa, hủy toàn bộ quyết định thi hành án (không tính số tiền trong trường hợp thu hồi để ủy thác thi hành án).

- Tổng số tiền phải thi hành là số tiền, giá trị tài sản tính bằng tiền phải tổ chức thi hành sau khi trừ số tiền ủy thác thi hành án và số tiền thuộc các trường hợp thu hồi, sửa, hủy quyết định thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Tổng số tiền có điều kiện thi hành là số tiền, giá trị tài sản được xác định và quy đổi ra tiền Việt Nam đồng mà người phải thi hành án có tài sản, thu nhập hoặc điều kiện khác để thi hành nghĩa vụ theo bản án, quyết định, bao gồm: số tiền thi hành xong; tiền đang thi hành và giá trị nghĩa vụ về tài sản, vật chứng, tang vật đang trong quá trình tổ chức thi hành, các khoản tiền thuộc trường hợp quy định tại Điều 55 của Luật Thi hành án dân sự và khoản 1 Điều 32 của Nghị định

quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự được tính trong tổng số tiền có điều kiện thi hành (trừ trường hợp đã chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng).

- Tổng số tiền giải quyết xong là số tiền đã thi hành xong; giá trị tiền được quy đổi từ việc xử lý tài sản theo quy định; số tiền đình chỉ thi hành án và số tiền thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 32 Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền thi hành xong là số tiền đã thu được và đã nộp ngân sách nhà nước, đã chi trả cho người được thi hành án theo quy định; các khoản tiền, tài sản đã thu được nhưng người được thi hành án chưa đến nhận mặc dù đã được thông báo hợp lệ, cơ quan thi hành án dân sự đã lập phiếu chi, gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc đã gửi vào ngân hàng, lập sổ theo dõi riêng, hoặc đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật. Chỉ tiêu này cũng bao gồm giá trị tiền được quy đổi từ việc xử lý xong tài sản theo bản án, quyết định, gồm: giao tài sản; chuyển giao tài sản sung công quỹ; trả tang vật, tài sản tạm giữ.

Giá trị tài sản được quy đổi để thống kê trong trường hợp chuyển giao tài sản sung công quỹ; trả tang vật, tài sản tạm giữ theo bản án, quyết định chỉ được sử dụng phục vụ báo cáo kết quả thi hành án, không sử dụng làm căn cứ bán đấu giá, trao đổi, thanh toán hoặc thu phí.

- Tiền đình chỉ là số tiền cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 48 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền thuộc trường hợp kết thúc khác quy định tại khoản 1 Điều 32 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền đang thi hành là số tiền đang trong quá trình tiến hành các thủ tục thi hành án theo quy định của pháp luật để tổ chức thu, chi, nộp ngân sách của Nhà nước theo nội dung quyết định thi hành án tại thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê.

- Tiền chưa có điều kiện thi hành (trừ số tiền đã chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng) là số tiền được xác định theo quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 38 Luật Thi hành án dân sự và các khoản tiền khác bao gồm:

+ Số tiền trong các vụ việc có tài sản, nhưng tài sản đã được đảm bảo cho việc thi hành một nghĩa vụ cụ thể khác theo bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền mà giá trị tài sản tại thời điểm thi hành án chỉ bằng nghĩa vụ bảo đảm cộng chi phí cưỡng chế (nếu có) mà người phải thi hành án không có tài sản, thu nhập khác để thi hành án;

+ Số tiền trong các vụ việc có tài sản nhưng tài sản đang bị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc biện pháp đặc biệt khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo xét xử và chi trả cho nghĩa vụ khác mà không có tài sản, thu nhập để tiếp tục thi hành án;

- Tiền hoãn thi hành án là số tiền cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn theo quy định tại Điều 46 Luật Thi hành án dân sự-

- Tiền tạm đình chỉ thi hành án là số tiền đã được ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 47 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền trường hợp khác, bao gồm:

+ Số tiền trong các vụ việc thuộc trường hợp tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo là số tiền trong các vụ việc có văn bản yêu cầu của người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, tố cáo về việc tạm dừng thi hành án;

+ Số tiền trong các vụ việc đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Thi hành án dân sự;

+ Số tiền trong các vụ việc chưa thể tổ chức thi hành do tình trạng khẩn cấp, trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự;

+ Số tiền trong các vụ việc đã có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thi hành theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 64/2026/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phục hồi, phá sản về thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản;

+ Số tiền còn lại trong các vụ việc có tài sản bán đấu giá mà tại thời điểm báo cáo, tài sản đã được giảm giá từ lần thứ hai trở đi theo quy định tại khoản 3 Điều 83 Luật Thi hành án dân sự nhưng không có người tham gia đấu giá, trả giá hoặc bán đấu giá không thành, đồng thời người phải thi hành án không còn tài sản, thu nhập khác để tiếp tục thi hành án. Số tiền được thống kê là phần nghĩa vụ còn lại sau khi trừ giá trị tài sản theo mức giá đã giảm tại thời điểm báo cáo;

+ Tiền trong các vụ việc mà người phải thi hành án có tài sản nhưng tài sản không đủ điều kiện xử lý theo quy định của pháp luật là trường hợp người phải thi hành án có tài sản là quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện tách thửa hoặc không đủ điều kiện bán đấu giá theo quy định của pháp luật có liên quan, đồng thời không còn tài sản, thu nhập khác để tiếp tục thi hành án. Số tiền được thống kê là phần nghĩa vụ thi hành án trong vụ việc có tài sản không đủ điều kiện xử lý đó;

+ Tiền trong các vụ việc mà cơ quan thi hành án dân sự đã thông báo, ấn định thời hạn xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự là là số tiền trong các vụ việc có tang vật, tài sản phải xử lý nhưng cơ quan có thẩm quyền đã có văn bản từ chối tiếp nhận; việc xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ chưa hoàn thành nên chưa xác định và thống kê được giá trị tiền tương ứng của khoản nghĩa vụ thi hành án thuộc trường hợp này;

+ Tiền trong các vụ việc mà cơ quan thi hành án dân sự đã ban hành kế hoạch

cưỡng chế và đang trong thời gian chờ phê duyệt kế hoạch, phương án bảo vệ của cơ quan có thẩm quyền là số tiền trong các vụ việc mà người phải thi hành án không còn tài sản, thu nhập khác để thi hành án ngoài tài sản đang xử lý; tuy nhiên, việc tổ chức cưỡng chế chưa thực hiện được do cơ quan có thẩm quyền đã có văn bản từ chối phê duyệt kế hoạch và phương án bảo vệ việc cưỡng chế theo quy định.

- Tiền chuyển kỳ sau (trừ số đã chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng) là số tiền đang trong quá trình tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để tổ chức thu, chi, nộp ngân sách của Nhà nước theo nội dung quyết định thi hành án, bao gồm: tiền đang thi hành; tiền hoãn thi hành án; tiền tạm đình chỉ thi hành án; tiền trường hợp khác; tiền chưa có điều kiện thi hành án tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo thống kê, trừ số tiền đã chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng.

- Tiền chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng là số tiền đã có quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án đối với án chủ động và đã thực hiện xác minh theo quy định tại khoản 3 Điều 38 Luật Thi hành án dân sự, thực hiện thủ tục chuyển sang sổ theo dõi để thống kê riêng theo quy định tại khoản 1 Điều 22 Nghị định Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo thống kê.

- Tỷ lệ % thi hành xong trong số có điều kiện là tỷ lệ giữa số tiền đã giải quyết xong so với số có điều kiện thi hành án.

$$\text{Tỷ lệ thi hành xong về tiền (\%)} = \frac{\text{Tổng số tiền giải quyết xong}}{\text{Số tiền có điều kiện thi hành}} \times 100$$

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “1.000 VNĐ” và “%”.

4. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

4.1. Cách ghi phần chung

Biểu mẫu phải ghi đầy đủ các thông tin phần chung (đơn vị báo cáo, đơn vị nhận báo cáo, kỳ báo cáo và các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị).

4.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố. Riêng kỳ báo cáo Quốc hội, tổng hợp cả số liệu của cơ quan thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.

a) Cột:

- Cột 1 = Cột (2 + 3) = cột (4 + 5 + 6)
- Cột 6 = Cột (7 + 13 + 14 + 15 + 16)

- Cột 7 = Cột (8 + 12)
- Cột 8 = Cột (9 + 10 + 11)
- Cột 17 = Cột (12 + 13 + 14 + 15 + 16)
- Cột 18 = Cột (8 / 7) x 100

b) Dòng:

- Dòng Tổng số = Dòng (I + II)
- Dòng II = Dòng (1 + 2 + ...)

5. Nguồn số liệu

Đối với hệ thống thi hành án dân sự, số liệu trong biểu mẫu được khai thác, tổng hợp từ cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự, phương tiện điện tử khác, hồ sơ nghiệp vụ và tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Đối với thi hành án trong quân đội, việc khai thác, tổng hợp số liệu thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.

1	THADS tính																			
2	THADS tính																			
...	...																			

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu mẫu 03/TK-THAHC: Kết quả theo dõi thi hành bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính

1. Nội dung

Chỉ tiêu kết quả theo dõi thi hành án hành chính phản ánh thực chất kết quả công việc của các cơ quan thi hành án dân sự trong việc thực hiện theo dõi thi hành các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính đã có hiệu lực pháp luật thuộc trách nhiệm theo dõi của các cơ quan thi hành án hành án dân sự.

2. Khái niệm, phương pháp tính

- Số bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính nhận từ Tòa án gồm: Số bản án tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện; Số bản án, quyết định có nội dung tuyên chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện; Số quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

- Số bản án, quyết định thực hiện theo dõi là các bản án, quyết định của Tòa án có nội dung tuyên chấp nhận một phần hoặc toàn bộ yêu cầu khởi kiện, tuyên hủy một phần hoặc toàn bộ quyết định hành chính; quyết định giải quyết khiếu nại; quyết định giải quyết khiếu nại về quyết định xử lý vụ việc cạnh tranh; quyết định giải quyết khiếu nại trong hoạt động kiểm toán nhà nước; quyết định kỷ luật buộc thôi việc; Quyết định buộc sửa đổi, bổ sung danh sách cử tri; Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Công thức tính kết quả thi hành các bản án, quyết định của Tòa án về vụ án hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước:

Số bản án, quyết định đã thi hành xong

$$\text{Tỷ lệ thi hành xong (\%)} = \frac{\text{Số bản án, quyết định đã thi hành xong}}{\text{Tổng số bản án, quyết định về vụ án hành chính có nội dung theo dõi – Số bản án, quyết định bị hủy, hoãn, tạm đình chỉ thi hành án theo quy định của pháp luật}} \times 100$$

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Bản án, quyết định”

4. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

4.1. Cách ghi phần chung

Biểu mẫu phải ghi đầy đủ các thông tin phần chung (đơn vị báo cáo, đơn vị nhận báo cáo, kỳ báo cáo và các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị).

4.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

a) Cột

- Cột 1 = Cột (2 + 3 + 4)
- Cột 5 = Cột (6 + 7 + 8 + 9)
- Cột 10 = Cột (11 + 12 + 13)
- Cột 17 = Cột (18 + 19)

b) Dòng

- Dòng Tổng số = Dòng (I + II)
- Dòng II = Dòng (1 + 2 + ...)

5. Nguồn số liệu

Đối với hệ thống thi hành án dân sự, số liệu trong biểu mẫu được khai thác, tổng hợp từ cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự, phương tiện điện tử khác, hồ sơ nghiệp vụ và tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Đối với thi hành án trong quân đội, việc khai thác, tổng hợp số liệu thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.

Biểu số: 04/TK-THADS
Ban hành theo TT số:
05/2026/TT-BTP
Ngày nhận báo cáo:

**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC TRONG
THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Kỳ báo cáo năm:
(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:
- Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư
pháp / Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ
Quốc phòng
- Cơ quan THADS tỉnh, thành phố / Cơ
quan THA cấp quân khu
Đơn vị nhận báo cáo:
- Bộ Tư pháp / Bộ Quốc phòng
- Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư
pháp / Cơ quan quản lý THA thuộc Bộ
Quốc phòng

Đơn vị tính: *Việc*

STT	Tên chỉ tiêu	Tổng số vụ việc bồi thường nhà nước	Chia ra:				Tổng số vụ việc đang giải quyết	Chia ra:				Thực hiện trách nhiệm hoàn trả	Chia ra:		
			Năm trước chuyển sang		Thụ lý mới			Đang giải quyết	Chưa được cấp kinh phí	Đã được cấp kinh phí			Chưa xác định trách nhiệm hoàn trả	Đã xác định trách nhiệm hoàn trả	
			Thụ lý tại cơ quan THADS	Bản án, quyết định về bồi thường đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án	Thụ lý tại cơ quan THADS	Bản án, quyết định về bồi thường đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án				Chưa chi trả	Đã chi trả			Chưa hoàn trả	Đã hoàn trả
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	
	Tổng số														
I	Quốc phòng														
II	THADS tỉnh, thành phố														
1	THADS tỉnh														
2	THADS tỉnh														

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu mẫu 04/TK-THADS: Kết quả giải quyết bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự

1. Nội dung

Phản ánh tình hình yêu cầu bồi thường và kết quả giải quyết bồi thường nhà nước trong thi hành án dân sự.

2. Khái niệm, phương pháp tính

Việc yêu cầu bồi thường nhà nước trong hoạt động thi hành án dân sự: phản ánh tình hình yêu cầu và kết quả giải quyết của cơ quan giải quyết bồi thường (bao gồm cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại hoặc Tòa án có thẩm quyền) thực hiện giải quyết yêu cầu bồi thường cho người bị thiệt hại theo trình tự, thủ tục luật định.

- Năm trước chuyển sang, là số vụ việc Tòa án, cơ quan thi hành án dân sự đã ban hành bản án hoặc quyết định giải quyết bồi thường có hiệu lực pháp luật từ các năm trước, chuyển sang năm sau tiếp tục giải quyết.

- Phát sinh mới là số việc Tòa án nhân dân và cơ quan thi hành án dân sự thụ lý giải quyết đã có bản án hoặc quyết định giải quyết bồi thường trong năm công tác.

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Việc”.

4. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

4.1. Cách ghi phần chung

Biểu mẫu phải ghi đầy đủ các thông tin phần chung (đơn vị báo cáo, đơn vị nhận báo cáo, kỳ báo cáo và các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị).

4.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

a) Cột:

$$\text{Cột 1} = \text{Cột } (2 + 3 + 4 + 5) = \text{Cột 6}$$

$$\text{Cột 6} = \text{Cột } (7 + 8 + 9 + 10)$$

$$\text{Cột 11} = \text{Cột 10} = \text{Cột } (12 + 13 + 14)$$

b) Dòng

$$\text{- Dòng Tổng số} = \text{Dòng } (I + II)$$

$$\text{- Dòng II} = \text{Dòng } (1 + 2 + \dots)$$

5. Nguồn số liệu

Đối với hệ thống thi hành án dân sự, số liệu trong biểu mẫu được khai thác, tổng hợp từ cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự, phương tiện điện tử khác, hồ sơ nghiệp vụ và tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Đối với thi hành án trong quân đội, việc khai thác, tổng hợp số liệu thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.

Biểu số: 05/TK-THADS
Ban hành theo TT số:
05/2026/TT-BTP
Ngày nhận báo cáo:

**KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT BẢO ĐẢM TÀI CHÍNH
TRONG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ**

Kỳ báo cáo năm:
(Từ ngày.....tháng.....năm.....
đến ngày.....tháng.....năm.....)

Đơn vị báo cáo:

- Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp / Cơ
quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng
- Cơ quan THADS tỉnh, thành phố / Cơ quan THA
cấp quân khu

Đơn vị nhận báo cáo:

- Bộ Tư pháp / Bộ Quốc phòng
- Cơ quan quản lý THADS thuộc Bộ Tư pháp / Cơ
quan quản lý THA thuộc Bộ Quốc phòng

Đơn vị tính: *Việc*

	Tên chỉ tiêu	Tổng số bản án, quyết định cơ quan THADS phải thi hành	Chia ra:		Đã ban hành quyết định thi hành án	Chia ra:			Chưa ra quyết định thi hành án	Thực hiện trách nhiệm hoàn trả	Chia ra:			
			Số năm trước chuyển sang	Số phát sinh mới		Đang thực hiện thủ tục để bảo đảm tài chính	Đã được cấp kinh phí nhưng chưa chi trả	Đã được cấp kinh phí và đã chi trả xong			Đã xác định mức hoàn trả	Chia ra:		Chưa xác định mức hoàn trả
												Đã hoàn trả xong	Chưa hoàn trả/hoàn trả một phần	
	A	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng số													
I	Quốc phòng													
II	THADS tỉnh, thành phố													
1	THADS tỉnh													
2	THADS tỉnh													

....., ngày.....tháng.....năm 20.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ, tên)

Biểu mẫu 05/TK-THADS: Kết quả giải quyết bảo đảm tài chính trong thi hành án dân sự

1. Nội dung

Phản ánh tình hình yêu cầu bồi thường và kết quả giải quyết bảo đảm tài chính trong thi hành án dân sự.

2. Khái niệm, phương pháp tính

Bảo đảm tài chính trong hoạt động thi hành án dân sự: phản ánh tình hình yêu cầu và kết quả giải quyết của cơ quan giải quyết bảo đảm tài chính (cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại) thực hiện giải quyết yêu cầu bồi thường cho người bị thiệt hại theo trình tự, thủ tục pháp luật về bảo đảm tài chính.

- Năm trước chuyển sang, là số việc cơ quan thi hành án dân sự vẫn đang trong quá trình giải quyết hồ sơ bảo đảm tài chính tại thời điểm báo cáo thống kê, chuyển sang năm sau tiếp tục giải quyết.

- Phát sinh mới là số việc cơ quan thi hành án dân sự thụ lý giải quyết trong năm công tác.

- Đang thực hiện thủ tục để bảo đảm tài chính là những việc đã có quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự có hiệu lực và đang thực hiện biện pháp tài chính theo quy định của pháp luật.

3. Đơn vị tính

Đơn vị tính trong biểu mẫu được tính bằng “Việc”.

4. Phương pháp tính toán trong biểu mẫu và cách ghi biểu

4.1. Cách ghi phần chung

Biểu mẫu phải ghi đầy đủ các thông tin phần chung (đơn vị báo cáo, đơn vị nhận báo cáo, kỳ báo cáo và các phần để trống trong biểu mẫu phải được ghi chép đầy đủ và ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị).

4.2. Cách ghi phần số

Đối với các chỉ tiêu không phát sinh ghi số không “0”. Tuyệt đối không sử dụng các ký tự để đánh dấu.

Cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp tổng hợp số liệu thống kê từ báo cáo của cơ quan thi hành án dân sự tỉnh, thành phố.

a) Cột:

$$\text{Cột 1} = \text{Cột (2 + 3)} = \text{Cột (4 + 8)}$$

$$\text{Cột 4} = \text{Cột (5 + 6 + 7)}$$

$$\text{Cột 9} = \text{Cột (10 + 13)}$$

$$\text{Cột 10} = \text{Cột (11 + 12)}$$

b) Dòng

- Dòng Tổng số = Dòng (I + II)

- Dòng II = Dòng (1 + 2 + ...)

5. Nguồn số liệu

Đối với hệ thống thi hành án dân sự, số liệu trong biểu mẫu được khai thác, tổng hợp từ cơ sở dữ liệu thi hành án dân sự, phương tiện điện tử khác, hồ sơ nghiệp vụ và tài liệu khác có liên quan theo quy định của pháp luật.

Đối với thi hành án trong quân đội, việc khai thác, tổng hợp số liệu thực hiện theo quy định của Bộ Quốc phòng và hướng dẫn của cơ quan quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng.

